

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính riêng
Quý 4 niên độ 01/07/2015 đến 30/06/2016

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười bốn lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 24 tháng 03 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận ĐKDN Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được đã được đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 10 năm 2015.
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc
	Đến ngày 01/06/2016
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Tồn	Giám Đốc Nhà Máy
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám Đốc Tài Chính
Ông Trang Thanh Trúc	Giám Đối Đối Ngoại
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Quyền Giám đốc Khối hỗ trợ
	Từ ngày 18/04/2016
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh Doanh
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên Liệu

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên

Kế Toán Trưởng Ông Lê Phát Tín Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký Xã Tân Hưng
Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH Earnt & Young
Việt Nam

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	30/06/2015
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100) = 110+120+130+140+150	100		3.396.235.296.355	1.706.708.265.252
Tiền	110	5	558.391.859.290	135.966.594.558
Tiền	111	5	292.891.859.290	135.966.594.558
Các khoản tương đương tiền	112	5	265.500.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.004.967.683	7.021.531.368
Đầu tư ngắn hạn	121	11	67.004.967.683	8.124.761.428
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	11	-	(1.103.230.060)
Các khoản phải thu	130	6	1.619.886.974.155	778.479.797.085
Phải thu của khách hàng	131		516.463.033.554	268.477.050.494
Trả trước cho người bán	132	6	959.777.705.793	474.876.118.998
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		114.500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	63.865.126.522	58.413.903.143
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(34.718.891.714)	(23.287.275.550)
Hàng tồn kho	140	7	1.108.606.261.843	749.235.990.504
Hàng tồn kho	141	7	1.109.425.753.419	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	7	(819.491.576)	(819.491.576)
Tài sản ngắn hạn khác	150		42.345.233.384	36.004.351.737
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.374.193.564	33.159.799.557
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	6.971.039.820	743.163.695
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	2.101.388.485

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.435.479.112.349	1.622.060.040.137
Các khoản phải thu dài hạn	210		24.677.292.212	48.611.724.058
Phải thu dài hạn khác	216		24.677.292.212	48.611.724.058
Tài sản cố định	220		616.228.639.654	522.927.849.727
Tài sản cố định hữu hình	221	8	445.207.701.402	476.155.185.794
Nguyên giá	222		1.805.724.700.946	1.747.107.486.692
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.360.516.999.544)	(1.270.952.300.898)
Tài sản cố định vô hình	227	9	171.020.938.252	46.772.663.933
Nguyên giá	228		186.297.385.031	58.432.128.391
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(15.276.446.779)	(11.659.464.458)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	10	117.580.128.491	168.922.294.355
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.622.731.500.827	841.137.728.936
Đầu tư vào công ty con	251	11	967.629.504.600	189.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	463.135.039.398	557.902.848.539
Đầu tư dài hạn khác	253	11	192.932.127.623	94.437.115.484
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn(*)	254	11	(965.170.794)	(202.235.087)
Tài sản dài hạn khác	260		54.261.551.165	40.460.443.061
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	54.261.551.165	40.460.443.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		5.831.714.408.704	3.328.768.305.389

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.219.956.317.980	1.373.666.383.525
Nợ ngắn hạn	310		2.238.992.159.480	865.054.054.525
Phải trả người bán ngắn hạn	311		40.554.378.919	82.665.635.893
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	175.943.874.609	81.251.627.841

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	16	5.373.023.674	18.410.994
Phải trả công nhân viên	314		1.791.569.503	4.031.410.380
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	47.306.699.750	10.819.139.091
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		370.909.091	343.754.583
Các phải trả ngắn hạn khác	319	18	22.364.454.116	4.860.388.237
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	1.928.271.427.139	667.877.287.507
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	17.015.822.679	13.186.399.999
Nợ dài hạn	330	20	980.964.158.500	508.612.329.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	980.964.158.500	508.612.329.000
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.611.758.090.724	1.955.101.921.864
Vốn chủ sở hữu	410		2.611.758.090.724	1.955.101.921.864
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	21	1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	155.174.403.823	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	415	21	(40.306.862.293)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	243.709.260.201	227.425.653.785
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	396.757.708.993	289.521.467.112
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		126.036.070.397	127.351.945.308
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		270.721.638.596	162.169.521.804
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		5.831.714.408.704	3.328.768.305.389

Lập bảng

Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng

Lê Phát Tín



Người duyệt
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Ngừ

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 02a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06		Giai đoạn từ 01/07 đến 30/06	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	802.439.939.594	552.490.058.048	3.265.405.320.286	2.071.667.869.305
2. Các khoản giảm trừ	03	25	2.768.489.939	1.088.716.914	6.043.245.526	4.767.867.003
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10	25	799.671.449.655	551.401.341.134	3.259.362.074.760	2.066.900.002.302
4. Giá vốn hàng bán	11	26	693.944.760.196	463.632.223.613	2.761.817.977.289	1.808.239.601.251
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		105.726.689.459	87.769.117.521	497.544.097.471	258.660.401.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	50.337.894.869	10.107.474.648	121.602.986.049	86.347.371.056
7. Chi phí tài chính	22	30	43.849.069.698	25.145.072.429	149.404.354.732	38.878.811.338
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		38.577.795.179	16.691.696.593	94.342.654.614	80.244.824.475
8. Chi phí bán hàng	24	27	15.513.016.213	21.441.475.522	76.826.454.280	68.364.786.581
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	26.375.338.294	17.448.359.201	110.873.525.396	65.532.255.320
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		70.327.160.123	33.841.685.017	282.042.749.112	172.231.918.868
11. Thu nhập khác	31		4.213.016.672	2.412.253.346	8.710.772.871	16.954.015.133
12. Chi phí khác	32		1.379.257.783	234.385.921	2.727.894.991	8.811.277.362
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.833.758.889	2.177.867.425	5.982.877.880	8.142.737.771
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.160.919.012	36.019.552.442	288.025.626.992	180.374.656.639
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	(5.694.209.072)	3.354.259.029	17.303.988.396	16.523.949.788
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	0	(298.602.082)	1.014.642.696	1.014.642.696
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		78.855.128.084	32.963.895.495	270.721.638.596	162.836.064.155

Lập bảng

Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng

Lê Phát Tín

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Người duyệt
 Công Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngừ

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015
đến 30/06/2016

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	73.160.919.012	36.019.552.442
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	24.090.784.001	22.414.107.978
Các khoản dự phòng	3	(6.455.697.099)	(6.990.046.916)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5	-	(194.840.978)
(Lãi) / Lỗ CLTG hối đoái chưa thực hiện	4	5.394.063.091	-
Lãi /Lỗ từ thanh lý đầu tư vào đơn vị khác	5	(31.458.921.000)	-
Lãi /Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	5	1.658.772.369	10.254.896.731
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	5	(700.791.408)	(3.298.697.930)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(6.703.050.604)	(6.541.430.055)
Chi phí lãi vay	6	38.577.795.179	16.691.696.593
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	97.563.873.541	68.355.237.865
Biến động các khoản phải thu	9	(100.053.357.556)	(42.461.874.201)
Biến động hàng tồn kho	10	191.234.140.244	304.549.364.045
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(5.545.341.821)	(83.028.198.963)
Biến động chi phí trả trước	12	4.940.933.575	(52.155.487.140)
Tiền lãi vay đã trả	14	(33.329.015.894)	(14.599.351.976)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.896.306.433)	(3.088.951.734)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.428.513.030)	(3.384.678.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	131.486.412.626	174.186.059.118

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

	Mã số	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(14.741.853.720)	(85.801.505.497)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	279.999.700
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan và đơn vị khác	23	(38.000.000.000)	(70.000.000.000)
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24	-	51.539.769.250
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	26	78.000.000.000	70.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(15.240.170.016)
Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	145.401.570.000	-
Tiền thu do bán chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	26	1.205.688.750	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	9.604.522.101	46.307.505.282
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	181.469.927.131	(2.914.401.281)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	31	1.000.000.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	863.555.552.128	1.141.779.416.992
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.703.320.977.063)	(1.431.931.957.194)
Tiền chi trả cổ tức	36	(49.497.325)	(6.175.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	160.185.077.740	(290.158.715.202)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	473.141.417.497	(118.887.057.365)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015
đến 30/06/2016

Mẫu B 03a – DN

Lưu chuyển tiền thuần trong năm		473.141.417.497	(118.887.057.365)
(50 = 20 + 30 + 40)	50		
Tiền đầu năm	60	85.250.441.793	254.853.651.923
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	558.391.859.290	135.966.594.558

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngự

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, đầu tư tài chính thông qua các hoạt động; đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành và các đối tác chiến lược, đầu tư vốn vào lĩnh vực bất động sản, mua bán chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai); chế biến và bảo quản rau quả (chế biến hàng nông sản); bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mùn cao su)); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; truyền tải và phân phối điện.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 542 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên (ngày 30 tháng 06 năm 2015: 488 nhân viên)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và chưa hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất được phát hành riêng biệt.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Năm 2013 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014, Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- (i) Kể từ kỳ kế toán 01 tháng 07 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2016, Công ty sẽ lập báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT/BTC.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm



- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- khác 4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử

dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Tiền mặt & tiền gửi Ngân hàng	292.891.859.290	135.966.594.558
Các khoản tương đương tiền	265.500.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	558.391.859.290	135.966.594.558

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	301.614.254.121	261.806.054.574
Trả trước ngắn hạn cho người bán	658.163.451.672	213.070.064.424
	959.777.705.793	474.876.118.998

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước cho nông dân được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	36.751.222.803	40.022.448.427
Lãi phải thu từ công ty khác	5.932.204.462	1.396.058.228
Tạm ứng nhân viên	17.856.943.497	12.157.955.500
Phải thu dự án Svayrieng	1.315.729.513	3.941.208.303
Ký cược, ký quỹ	75.030.000	16.600.000
Phải thu khác	1.933.996.247	879.632.685
	63.865.126.522	58.413.903.143

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	11.969.867.212	35.904.299.058
Phải thu dài hạn dự án Svayrieng	12.707.425.000	12.707.425.000
	24.677.292.212	48.611.724.058

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

7. Hàng tồn kho

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Nguyên vật liệu	77.181.749.394	33.796.888.944
Công cụ và dụng cụ	674.347.457	771.473.815
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.573.298.646	25.479.310.297
Thành phẩm	866.673.251.711	658.135.893.261
Hàng hóa	130.233.923.717	30.434.144.508
Hàng gửi đi bán	4.089.182.494	1.437.771.255
	1.109.425.753.419	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(819.491.576)
	1.108.606.261.843	749.235.990.504

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu niên độ	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Tăng trong niên độ	62.334.371.909	42.547.966.627	724.690.909	638.395.000	57.000.000	106.302.424.445
Thanh lý	-	(3.907.504.387)	(1.665.195.909)	-	-	(5.572.700.296)
Điều chỉnh	(42.112.509.895)	-	-	-	-	(42.112.509.895)
Số dư cuối kỳ	304.297.085.125	1.412.376.512.273	23.884.270.446	6.704.502.572	58.462.330.530	1.805.724.700.946
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu niên độ	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Khấu hao trong niên độ	11.808.138.847	77.967.665.591	2.690.393.244	524.425.468	19.844.892	93.010.468.042
Thanh lý	-	(1.336.794.008)	(1.271.327.650)	-	-	(2.608.121.658)
Điều chỉnh	(837.647.738)	-	-	-	-	(837.647.738)
Số dư cuối kỳ	171.986.176.728	1.111.853.615.601	13.143.191.142	5.136.894.056	58.397.122.017	1.360.516.999.544
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794
Số dư cuối kỳ	132.310.908.397	300.522.896.672	10.741.079.304	1.567.608.516	65.208.513	445.207.701.402

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi	Tổng cộng
	VND	tính	VND
		VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu niên độ	47.483.754.819	10.948.373.572	58.432.128.391
Tăng trong niên độ	134.983.796.640	-	134.983.796.640
Điều chỉnh	(7.118.540.000)	-	(7.118.540.000)
Số dư cuối kỳ	175.349.011.459	10.948.373.572	186.297.385.031
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu niên độ	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Khấu hao trong niên độ	2.551.981.190	1.207.601.063	3.759.582.253
Thanh lý	-	-	-
Điều chỉnh	(142.599.932)	-	(142.599.932)
Số dư cuối kỳ	10.627.513.423	4.648.933.356	15.276.446.779
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	39.265.622.654	7.507.041.279	46.772.663.933
Số dư cuối kỳ	164.721.498.036	6.299.440.216	171.020.938.252

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 30/06/2016 VND	Giai đoạn 30/06/2015 VND
Số dư đầu năm	168.922.294.355	43.583.923.504
Tăng trong kỳ	322.900.935.341	175.838.683.109
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(106.033.895.280)	(43.295.795.838)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(134.983.796.640)	(7.073.876.420)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.477.348.691)	(130.640.000)
Chuyển sang ứng trước nhà cung cấp	(109.357.227.899)	
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(16.390.832.695)	
Số dư cuối kỳ	117.580.128.491	168.922.294.355



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Các khoản đầu tư

	30/06/2016				30/06/2015			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty con								
• Cty CP SXTM Cồn Thành Thành Công (i)	18.900.000	90,00%	90,00%	189.000.000.000	18.900.000	90,00%	90,00%	189.000.000.000
• Cty TNHH 1 TV Thành Thành Công Gia Lai (ii)	38.999.876	100%	100%	508.850.304.600	-	-	-	-
• Công ty TNHH tư nhân đầu tư Tsu (iii)	12.000.000	94,94%	94,94%	269.779.200.000	-	-	-	-
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:				967.629.504.600				189.000.000.000
• Cty CP KCN Thành Thành Công (iv)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,45%	49,45%	245.000.000.000
• Cty CP Đường Biên Hòa (v)	-	-	-	-	14.938.616	23,71%	23,71%	212.437.661.139
• Cty CP Đường Nước Trong (vi)	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (vii)	3.157.920	21,96%	21,96%	31.579.200.000	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (viii)	1.440.000	48,00%	48,00%	15.120.000.000	1.440.000	48,00%	48,00%	15.120.000.000
• Cty CP Mía đường Tây Ninh (ix)	11.536.260	39,23%	39,23%	117.669.851.998	-	-	-	-
				463.135.039.398				557.902.848.539
Đầu tư dài hạn khác:								
• Đầu tư chứng khoán vào công ty khác				192.162.065.239				93.667.053.100
• Đầu tư nhà làng Bourbon				770.062.384				770.062.384
				192.932.127.623				94.437.115.484
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(965.170.794)				(202.235.087)
				1.622.731.500.827				841.137.728.936

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
• Đầu tư cổ phiếu khác	67.004.967.683	8.124.761.428
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.103.230.060)
Số dư cuối kỳ	67.004.967.683	7.021.531.368

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công ("TTCE") được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.
- (ii) Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai trước đây là Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ("Đường Gia Lai") được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính.
- (iii) Công ty TNHH tư nhân Đầu tư TSU. Công ty là Kinh doanh thương mại và thực hiện một phần công đoạn sản xuất, đóng gói các sản phẩm đường, mua bán đường thô và đường tinh luyện trên thế giới; mua bán, kinh doanh đường tinh, thực hiện kinh doanh, ký quỹ, mua bán hàng nông sản....
- (iv) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (v) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp. Trong kỳ Đường Biên Hòa đã sáp nhập thành công với Công ty CP Đường Ninh Hòa, và tỉ lệ sở hữu của công ty còn lại là 17% không còn là công ty liên kết.
- (vi) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”) được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (vii) Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh (“Tanichem”), Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nito, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...
- (viii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía. Trong kỳ công ty đã mua thêm 720.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ lên 48%.
- (ix) Công ty CP Mía đường Tây Ninh (“Mía đường Tây Ninh”) trước đây là Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23 tháng 05 năm 2007. Trụ sở chính của Mía đường Tây Ninh đặt tại Số 19, đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động chính của Công ty là trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường, khoai mì, cao su; sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa, gỗ, vật liệu xây dựng; chăn nuôi gia cầm, gia súc; kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính; kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu; kinh doanh vật tư và thiết bị phục vụ ngành mía đường, gỗ, cao su....

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/2016	30/06/2015	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	8.124.761.428	122.188.965.070	841.339.964.023	796.898.701.907
Tăng đầu tư trong kỳ	72.112.440.941	198.261.010.596	896.299.356.598	230.427.447.116
Thanh lý	(8.124.761.460)	(3.364.636.769)	-	(185.985.435.000)
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	(5.107.473.226)	(308.960.577.469)	(113.942.649.000)	(750.000)
Số dư cuối kỳ	67.004.967.683	8.124.761.428	1.623.696.671.621	841.339.964.023

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/2016	30/06/2015	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.103.230.060	51.775.434.206	202.235.087	19.018.367.968
Trích lập trong kỳ	7.066.221.368	1.103.230.060	838.098.687	546.962.962
Hoàn nhập trong kỳ	(8.169.451.428)	(51.775.434.206)	(75.162.980)	(19.363.095.843)
Số dư cuối kỳ	-	1.103.230.060	965.170.794	202.235.087

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	40.460.443.061	25.398.671.617
Tăng trong kỳ	27.615.677.784	20.741.733.960
Chuyển từ CP XD CB qua	7.477.348.691	130.640.000
Phân bổ trong kỳ	(21.291.918.371)	(5.810.602.516)
Số dư cuối kỳ	54.261.551.165	40.460.443.061

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.807.896.256.639	555.558.945.507
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	100.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.375.170.500	112.318.342.000
Số dư cuối kỳ	1.928.271.427.139	667.877.287.507

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau

Ngân hàng	Tiền tệ	30/06/2016 VND	30/06/2015 VND	Thuyết minh
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	-	-	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). đã được tắt nợ
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (ii)	VND	100.000.000.000	-	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị 100 tỷ VND.
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	427.746.582.087	12.475.466.047	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20 triệu USD (30/06/2015: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 9.375.000 USD và 9.375.000 USD.
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh (iv)	VND	159.774.939.311	152.224.575.460	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND (30/06/2015: 160 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.
• Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh (v)	VND	169.999.426.573	-	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 93.688m ² quyền sử dụng đất Tân Kim Long An với giá trị định giá là 170 tỷ VND

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	43.600.000.000	78.000.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2 triệu USD (30/06/2015: 3.6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/hoặc các khoản phải thu với giá trị là 2 triệu USD.</i>
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	60.000.000.000	60.000.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (30/06/2015: 60 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.</i>
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn (viii)	VND	193.400.000.000	99.978.904.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143.75 tỷ VND và 2 triệu USD.</i>
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh (ix)	VND	97.147.441.339	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.1 triệu USD (30/06/2015: 5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/hoặc các khoản phải thu với giá trị là 4.5 triệu USD.</i>
• Ngân hàng ACB Tân Thuận (x)	VND	104.954.389.848	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 105 tỷ VND (30/06/2015: 50 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35.678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (127.542 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án, các khoản phải thu 75 tỷ</i>
• Ngân hàng HSBC Hongkong (xi)	VND	-	152.880.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/06/2015: 7 triệu USD), đã được tắt nợ.</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

• Ngân hàng Malayan Banking Berhad (xii)	VND	109.990.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 2.5 triệu USD và 2.5 triệu USD.</i>
• Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Gia Định (xiii)	VND	98.836.953.174	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo một phần, trong đó 100 tỷ không được đảm bảo.</i>
• Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (xiv)	VND	60.446.524.307	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 8.301.524 cổ phiếu BHS</i>
• Công ty CP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (xv)	VND	182.000.000.000	-	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 182 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND)</i>
• Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (xvi)	VND	-	-	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 185 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND).</i>
		1.807.896.256.639	555.558.945.507	

15. Người mua trả tiền trước

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	66.731.910.000	66.731.910.000
Người mua trả tiền trước	109.211.964.609	14.519.717.841
	175.943.874.609	81.251.627.841

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(6.971.039.820)	(743.163.695)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.655.095.681	(2.101.388.485)
Thuế thu nhập cá nhân	(282.072.007)	18.410.994
	(1.598.016.146)	(2.826.141.186)

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

17. Chi phí phải trả

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	3.829.638.503	5.260.591.500
Chi phí lãi vay	9.845.820.344	2.537.822.410
Phép năm không sử dụng	394.876.511	435.336.620
Trích trước chi phí chiết khấu	374.890.773	399.307.447
Trích trước chi phí nguyên vật liệu chính	10.516.903.167	-
Lương tháng 13	4.467.090.266	-
Chênh lệch tỷ giá phải trả	15.124.618.000	-
Chi phí khác	2.752.862.186	2.186.081.114
	47.306.699.750	10.819.139.091

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	1.885.901.296	2.570.106.649
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	495.156.265	441.188.085
Phải trả trao đổi nguyên vật liệu	15.621.337.683	-
Phải trả TTCE	2.490.379.000	-
Khác	671.679.872	649.093.503
	22.364.454.116	4.860.388.237

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.186.399.999	22.350.117.493
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	19.540.327.699	3.688.248.683
Sử dụng quỹ	(15.710.905.019)	(12.851.966.177)
Số dư cuối kỳ	17.015.822.679	13.186.399.999

20. Vay dài hạn

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	101.339.329.000	620.930.671.000
Trái phiếu dài hạn	1.000.000.000.000	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(120.375.170.500)	(112.318.342.000)
	980.964.158.500	508.612.329.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	30/06/2016 VND	30/06/2015 VND	Thuyết minh
Vay dài hạn không được đảm bảo:				
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	9.545.366.000	11.931.708.000	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2015: 36 tỷ VND). Số dư 9.545.366.000 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 8 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.</i>
Vay dài hạn được đảm bảo:				
Ngân hàng ACB-Tân Thuận (ii)	VND	80.602.963.000	61.014.963.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Số dư 80.602.963.000 VND của khoản vay này được ân hạn 1 năm và được hoàn trả trong 24 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.358.457.125 VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 15 tháng 05 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35.678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (106.926 tỷ). 100% khoản phải thu từ dự án</i>
Ngân hàng công thương Tây Ninh (iii)	VND	262.000.000	434.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/06/2015: 520 triệu VND). Số dư 262 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 6 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 43 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thể chấp lần lượt là 654 triệu và 2.874 tỷ.</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Ngân hàng công thương Tây Ninh (iv)	VND	2.113.000.000	1.550.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.185 tỷ VND (30/06/2015: 1.69 tỷ VND). Số dư 2.113 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 08 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 264 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 23 tháng 09 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2.874 tỷ.</i>
Ngân hàng công thương Tây Ninh (v)	VND	4.670.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.67 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Số dư 4.67 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 389 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 30 tháng 03 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp là 6.873 tỷ.</i>
Ngân hàng công thương Tây Ninh (vi)	VND	4.146.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.146 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Số dư 4.146 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 345.5 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 20 tháng 04 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1 máy thu hoạch mía với giá trị thế chấp là 5.127 tỷ.</i>
Ngân hàng HSBC HONG KONG (vii)	USD	-	546.000.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 triệu USD (30/06/2015: 25 triệu USD). Đã được tất nợ</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Trái phiếu phát hành (viii)	VND	1.000.000.000.000
-----------------------------	-----	-------------------

Gói trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, bằng đồng Việt Nam ("đồng), với tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, nhà xưởng, quyền sử dụng 32 ha đất tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (30/06/2015: 0 tỷ VND). Thời điểm mua lại và giá trị mua lại sau ngày phát hành tương ứng bao gồm: Ngày tròn 12 tháng đầu, tối thiểu 10% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 24 tháng, tối thiểu 15% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 36 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 48 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 60 tháng, toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại ngày đáo hạn

1.101.339.329.000 620.930.671.000



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận chưa	Tổng cộng
	VND	vốn cổ phần	VND	phát triển	phân phối	VND
		VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	220.510.187.504	137.955.660.272	1.796.620.648.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	162.836.064.155	162.836.064.155
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	6.915.466.281	(10.603.714.964)	(3.688.248.683)
Cổ tức	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	227.425.653.785	289.521.467.113	1.955.101.921.865
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	24.286.015.963
Phát hành cổ phiếu hoán đổi cổ phiếu SEC	371.423.580.000	137.426.724.600	-	-	-	508.850.304.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	270.721.638.596	270.721.638.596
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	16.283.606.416	(35.823.934.116)	(19.540.327.700)
Cổ tức	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	1.856.423.580.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	396.757.708.993	2.611.758.090.724

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo).

Mẫu B 09a - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2016		30/06/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(3.268.840)	(32.688.400.000)	-	-
Cổ phiếu hoán đổi - SEC				
Cổ phiếu phổ thông	37.142.358	371.423.580.000	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	182.373.518	1.823.735.180.000	148.500.000	1.485.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/06/2016		30/06/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân tăng /giảm trong kỳ	29.355.064	293.550.640.710	-	-
Số dư cuối kỳ	172.861.224	1.728.612.240.710	143.506.160	1.435.061.600.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2015 đến 30/06/2016 VND	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/06/2015 VND
Số dư đầu năm	61.577.199.043	61.577.199.043
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(21.270.336.750)	-
Số dư cuối kỳ	40.306.862.293	61.577.199.043

23. Cổ tức

Trong giai đoạn từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 Công ty phân phối cổ tức 7% mệnh giá bằng tiền mặt

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu	802.439.939.594	552.490.058.048
Bán đường	738.361.740.964	502.434.001.683
Bán mật đường	12.457.139.045	11.387.480.962
Bán điện	3.486.403.490	1.887.107.343
Bán phân bón	29.519.665.064	34.068.975.182
Khác	18.614.991.031	2.712.492.878
	802.439.939.594	552.490.058.048
Giảm giá hàng bán	(2.768.489.939)	(1.088.716.914)
Doanh thu thuần	799.671.449.655	551.401.341.134

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đường	631.134.274.253	414.608.673.380
Giá vốn mật đường	11.650.320.000	12.698.632.819
Giá vốn điện	4.506.144.051	1.950.162.623
Giá vốn phân bón	28.597.613.987	32.033.757.618
Khác	18.056.407.905	2.340.997.173
	693.944.760.196	463.632.223.613



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.066.350.077	2.147.275.211
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	168.116.233	1.818.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.221.000	4.389.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.978.329.630	18.191.177.730
Chi phí bằng tiền khác	1.239.999.273	1.096.814.732
	15.513.016.213	21.441.475.522

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	8.355.282.659	8.611.297.526
Chi phí vật liệu quản lý	40.796.034	19.851.939
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	415.126.413	349.140.477
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.187.838.562	914.559.538
Thuế, phí và lệ phí	59.855.687	54.219.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.194.263.198	3.326.161.452
Chi phí bằng tiền khác	11.458.976.341	4.173.129.060
Chi phí dự phòng	(1.336.800.600)	-
	26.375.338.294	17.448.359.201



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	6.703.050.604	6.541.430.055
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	11.013.431.980	3.187.650.922
Cổ tức		80.072.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	700.791.408	111.047.008
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	461.699.877	187.274.663
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	31.458.921.000	-
	50.337.894.869	10.107.474.648

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.577.795.179	16.691.696.593
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	(5.118.896.499)	(6.990.046.916)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.855.762.968	2.950.761.156
Hoạt động đầu tư chứng khoán	1.658.772.369	10.313.668.731
Khác	2.875.635.681	2.178.992.865
	43.849.069.698	25.145.072.429



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Chi phí tài chính từ giai đoạn 01/07 đến 31/03 niên độ 2015-2016 là 105.55 tỷ trong khi đó giai đoạn cùng kỳ niên độ 2014-2015 là 13.73 tỷ. Nguyên nhân chủ yếu là do niên độ 2014-2015 có hoàn nhập dự phòng 63.9 tỷ khoản đầu tư vào công ty liên kết (Công ty CP Khu Công Nghiệp Thành Thành Công)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	(5.694.209.072)	3.354.259.029
	<u>(5.694.209.072)</u>	<u>3.354.259.029</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(298.602.082)
Chi phí thuế thu nhập	<u>(5.694.209.072)</u>	<u>3.055.656.947</u>

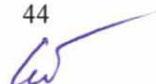
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán thành phẩm	29.780.811.835	12.944.765.714
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	1.444.485.841	161.685.938
Nhận Cung cấp dịch vụ	750.333.105	6.814.575.604
Mua hàng hóa	12.000.000	58.396.211.667
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	662.353.593	20.666.667
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	5.411.229.874	576.593.883
Cung cấp dịch vụ	65.454.545	65.454.545
Mua đường thô	80.208.904.848	3.586.350.952
Nhận cung cấp dịch vụ	1.970.327.650	1.680.253.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	847.264.060	1.094.390.004
Mua hàng hóa	49.938.893.904	28.051.092.849
Bán hàng hóa	22.571.428.571	
Công ty CP Đường Nước Trong		
Bán hom giống		6.688.500
Tiêu thụ hộ	555.841.112	
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	23.333.333	
Công ty CP Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	43.205.212.022	1.121.052.878
Cung cấp dịch vụ		6.293.757.000
Mua hàng hóa	269.558.613.250	44.292.223
Nhận dịch vụ		



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	568.824.065	136.734.057
Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công		
Cung cấp dịch vụ	240.000.000	240.000.000
Nhận cung cấp dịch vụ	584.500.000	4.600.000
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)		
Cung cấp dịch vụ	36.890.000	
Bán hàng hóa	456.190.476	
Mua đường hàng hóa	35.350.207.240	
Công ty CP Mía đường Tây Ninh		
Mua hàng hóa	42.000.000	40.000.000
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	293.222.220	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

33. Giải trình biến động Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế tăng 139% so với cùng kỳ niên độ trước. Nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng bán tăng 24% và giá bán tăng 18% đồng thời thoái hóa vốn cổ phiếu BHS mang lại doanh thu hoạt động tài chính 31,5 tỷ

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Nguyễn Thanh Ngữ

Ngày 30 tháng 07 năm 2016